

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2017/DS-ST

Ngày: 28-9-2017

*V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Nam Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;
2. Ông Châu Cương.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên tham gia phiên Tòa: ông Phạm Hoàng Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXX-ST ngày 24/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2017/QĐST-DS ngày 12/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần thương mại A. Trụ sở chính: Khu A1, Khu công nghiệp S, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thương mại A.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thế D, chức vụ: phó Giám đốc Công ty cổ phần thương mại A (Theo văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 2 năm 2017), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lương Văn T, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện lại ngày 20 tháng 4 năm 2017, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Thế D – người đại diện của Công ty cổ phần thương mại A (gọi tắt là Công ty A) trình bày: Ông Lương Văn T có mua thức ăn chăn nuôi của Công ty A nhiều năm nay, tuy nhiên trong thời gian giao dịch thì ông T không đảm bảo được sản lượng và không thanh toán nợ đúng thời hạn đã thỏa thuận nên ngày 08/6/2016 ông Lương Văn T đã ngừng nhận hàng.

Trong nhiều biên bản làm việc xác nhận công nợ; Giấy thông báo về việc thanh toán công nợ do ông Lương Văn T ký tên gần đây nhất là biên bản làm việc xác nhận đơn đốc công nợ ngày 01/3/2017 do ông T ký tên thừa nhận còn nợ Công ty A số tiền gốc là 210.016.120 đ (Hai trăm mười triệu không trăm mười sáu nghìn một trăm hai mươi đồng). Công ty A đã nhiều lần đơn đốc việc trả nợ nhưng ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Công ty A yêu cầu ông Lương Văn T trả số tiền nợ gốc là 210.016.120 đồng và lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định của pháp luật kể từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử (ngày 28/9/2017).

- Tại lời khai ngày 23 tháng 5 năm 2017, bị đơn ông Lương Văn T trình bày: Ông và Công ty A có giao dịch mua bán thức ăn gia súc với nhau nhiều năm qua, tại bản thanh toán bán thức ăn chăn nuôi A từ ngày 01/01/2017 đến 28/02/2017 xác nhận công nợ thực tế với Công ty là 210.016.120đ (Hai trăm mười triệu không trăm mười sáu nghìn một trăm hai mươi đồng) là do ông ký tên khi làm việc với công ty A; Ông T thừa nhận số tiền nợ gốc còn nợ Công ty A là 210.016.120đ (Hai trăm mười triệu không trăm mười sáu nghìn một trăm hai mươi đồng) nhưng do điều kiện làm ăn khó khăn nên ông không có khả năng trả một lần mà xin trả dần theo phương thức mỗi tháng trả 4.000.000đồng cho đến khi hết số nợ; Riêng đối với phần lãi suất chậm thanh toán thì ông xin không phải trả vì không còn khả năng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thế D vẫn giữ nguyên yêu cầu, không bổ sung thêm chứng cứ gì mới cho Tòa án; ông Lương Văn T vắng mặt.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách những người tham gia tố tụng, trong quá trình thu thập chứng cứ

thì Tòa án đã áp dụng đúng theo trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại phiên Tòa.

+ Đối với nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn ông Lương Văn T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa Công ty A và ông T đã tự nguyện giao kết hợp đồng nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ. Theo đó ông T thừa nhận còn nợ Công ty số tiền vốn mua thức ăn gia súc là 210.016.120đ và yêu cầu xin trả mỗi tháng 4.000.000đ nhưng Công ty không đồng ý. Do ông T có lỗi trong việc chậm trả nợ nên Công ty yêu cầu trả số nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật là có sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn ông Lương Văn T đã được Tòa án tổng đạt tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: căn cứ địa chỉ của bị đơn, đối chiếu với quy định pháp luật tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toàn án nhân quyền Tỉnh Biên, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được thực hiện giữa bên bán là Công ty A với bên mua ông Lương Văn T, việc mua bán không lập thành hợp đồng, tài sản mua bán là thức ăn gia súc được phía Công ty A và ông Lương Văn T tự nguyện giao kết nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên được quy định trong bộ dân sự.

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự xác định được giữa nguyên đơn Công ty A và bị đơn Lương Văn T có xác lập thực hiện việc mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc với nhau, theo bảng thanh toán bán thức ăn chăn nuôi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/02/2017 do ông Lương Văn T ký xác nhận nợ với Công ty A. dự nợ mua bán do ông Lương

Văn T xác nhận còn nợ Công ty A là 210.016.120đ (Hai trăm mười triệu không trăm mười sáu nghìn một trăm hai mươi đồng).

[2.1] Xét yêu cầu của bị đơn ông Lương Văn T xin trả dần trên số nợ gốc theo phương thức mỗi tháng trả 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) trả cho đến khi hết số nợ và xin không phải chịu lãi suất chậm thanh toán nhưng không được phía bị đơn đồng ý. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 điều 438 Bộ luật dân sự 2005 và điểm c khoản 1 điều 688 Bộ luật dân sự 2015, thì yêu cầu của bị đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 210.016.120đ (Hai trăm mười triệu không trăm mười sáu nghìn một trăm hai mươi đồng) và yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định của pháp luật 01/01/2017 đến ngày xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được quy định tại điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005 nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi suất chậm trả trên số tiền gốc 210.016.120đ kể từ ngày 01/01/2017 đến ngày Tòa án xét xử (28/9/2017) với mức lãi suất quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 2 điều 438 Bộ luật dân sự 2005 và điểm c khoản 1 điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước, thì lãi suất chậm trả được tính (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/9/2017) là $210.016.120đ \times 0.75\% \times 8 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 14.018.500đ$ (mười bốn triệu không trăm mười tám nghìn năm trăm đồng).

Do đó ông Lương Văn T phải có trách nhiệm trả cho công ty A số tiền nợ gốc là 210.016.120 đồng và và số tiền lãi chậm trả là 14.018.500đ (mười bốn triệu không trăm mười tám nghìn năm trăm đồng). Tổng cộng 224.034.620đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi đồng).

[2.3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quan điểm của Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Lương Văn T có lỗi nên phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền 224.034.620đ x 5% bằng số tiền 11.201.500đ (Mười một triệu hai trăm lẻ một nghìn năm trăm đồng).

Nguyên đơn Công ty A không phải chịu tiền án phí, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, các điều 147, 184, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 305, 428, 431, 432 và 438 của Bộ luật dân sự 2005;

Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần thương mại A.

[1] Buộc ông Lương Văn T trả cho Công ty thương mại cổ phần A số tiền 224.034.620đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật Dân sự 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lương Văn T phải chịu 11.201.500đ (Mười một triệu hai trăm lẻ một nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần thương mại A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.037.000 đồng theo biên lai thu số TU/2015/0015595 ngày 24/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

[3] Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng ông Lương Văn T thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai bản án.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKS.h.TB (1);
- THA h.TB (1);
- TA Tỉnh AG (1);
- Lưu hs, Vp (2).

(Đã ký)

Châu Nam Phú